

**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
(MSDS)**

PHÈN LÔNG 7,5%



Số CAS: 7784-31-8

Số UN: #

Số đăng ký EC: #

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại HMIS (U.S.A)

- Nguy hiểm đến sức khỏe :1
- Nguy hiểm về cháy : 0
- Độ hoạt động : 0
- Phương tiện bảo vệ cá nhân: E

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: Phèn nhôm kỹ thuật lông 7,5%

- Tên thương mại: Phèn lông 7,5%

- Tên khác (không là tên khoa học):

Mã sản phẩm (nếu có)

- **Mục đích sử dụng:** dùng làm chất xử lý nước, nhuộm và in vải, trong công nghiệp sản xuất giấy, trong xây dựng.

Địa chỉ liên hệ trường hợp khẩn cấp:

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN LỘC THIÊN**

Địa chỉ : 452/6B Tỉnh lộ 10, Phường Bình Trị
Đông, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 6269 5669
Fax: 028 6269 5662

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Phèn lông 7,5%	7784-31-8	$Al_2(SO_4)_3$	21,42
Muối nhôm khác	-	Al^{3+}	2
Nước		H_2O	76,58

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm: Theo GHS

1.1. Nguy hiểm về cơ lý: Không áp dụng

1.2. Tác hại đến sức khỏe:

Xếp loại nguy hiểm	Phân loại	Hình đồ cảnh báo	Tên hình đồ	Từ cảnh báo	Cảnh báo nguy cơ
Độc cấp tính	Cấp 4		Dầu chấm than	Gây bỏng da, gây tổn thương mắt.	Có hại khi tiếp xúc với da, nếu nuốt hoặc hít phải.

1.3.Tác hại cho môi trường: Chưa có thông tin

2. Cảnh báo nguy hiểm:

- **P260:** Không được hít hơi/bụi/khí/sương
- **P602+P330+P331:** Nếu nuốt phải: rửa miệng không gây ói mửa

3. Hướng dẫn bảo quản và sử dụng:

- P264: Rửa sạch tay chân, cơ thể sau khi sử dụng
- P273: Tránh thải ra môi trường
- P280: Mang găng tay bảo hộ/ quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt
- P403+233: Lưu trữ ở nơi thông thoáng, giữ kín thùng chứa.

4. Các thông tin nguy hại khác

- Chưa có thông tin
- Bảo vệ da: trang bị quần áo bảo hộ, giày bảo hộ.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt : kiểm tra và loại bỏ các hoá chất văng vào mắt. Rửa mắt bằng nhiều nước sạch tối thiểu 15 phút, có thể dùng nước lạnh, đưa đến bác sỹ.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : rửa bằng nhiều nước sạch, thoa thuốc làm mềm lên lớp da bị dị ứng. Tháo bỏ quần áo và giày dép. Có thể sử dụng nước lạnh. làm sạch quần áo, giày dép trước khi sử dụng lại, nhờ bác sỹ chăm sóc. Trường hợp nặng thì rửa bằng xà phòng diệt khuẩn, và thoa lên da kem kháng khuẩn, sau đó nhờ bác sỹ chăm sóc.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : đưa nạn nhân ra nơi thoáng, không khí trong sạch. Nếu không thở được làm hô hấp nhân tạo, nếu thở khó cung cấp oxy, nhờ bác sỹ chăm sóc.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : không được gây nôn nếu không có sự hướng dẫn trực tiếp của nhân viên y tế, không cho bất cứ vật gì vào miệng, nới lỏng cổ áo, lưng quần, cà vạt. Sau đó nhờ ác sỹ chăm sóc.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HÓA HOẶN

1. Xếp loại về tính cháy : không cháy
2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Không có thông tin
3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Không có thông tin
4. Khi có cháy: Không có thông tin
5. Thiết bị cứu hỏa đặc biệt: Không có thông tin.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố:
 - Trang bị bảo hộ: Quần áo bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính bảo hộ
 - Khi tràn đổ: Dùng các dụng cụ thích hợp gom chúng vào các thùng chứa, ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác sau đó dùng dụng cụ thích hợp gom chúng vào thùng chứa, rồi dùng nước rửa sạch.
2. Các cảnh báo về môi trường: Chưa có thông tin
3. Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố: Thu gom lại để trong thùng chứa thích hợp sau đó đem đi xử lý, đồng thời trang bị hệ thống thông gió để hạn chế sự bay hơi và phân tán của hóa chất trong khu vực.

VII. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : không được hít bụi, mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Tránh sự tiếp xúc trực tiếp với da và mắt. Rửa tay trước khi ăn và sau khi hoàn tất công việc. Tuân thủ các quy trình, thao tác khi vận hành và khi lấy mẫu.
2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Để trong phòng thông gió tốt. Bảo quản mát, khô. Vật liệu sử dụng thích hợp: Vật liệu composit, thủy tinh, PVC, PE.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết: sử dụng rào ngăn cách, tránh phát tán bụi, thông gió tốt.
2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc
 - Bảo vệ mắt: kính che mắt
 - Bảo vệ thân thể: quần áo bảo hộ lao động
 - Bảo vệ tay: găng tay
 - Bảo vệ chân: giày

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: lỏng	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$): chưa có thông tin
Màu sắc: không màu	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$): chưa có thông tin
Mùi vị đặc trưng: không mùi, vị chua	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định: chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$): chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không
Độ hòa tan trong nước: hoàn toàn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ pH: <1 (dung dịch 5%) 2.5-4,0	Tỷ lệ hoá hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m^3): 1.24	Các tính chất khác nếu có: phản ứng với các tác nhân oxy hóa có thể ăn mòn.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định : sản phẩm có tính ổn định
2. Khả năng phản ứng:
 - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: tạo khí SO_2 , thủy phân tạo axit H_2SO_4 loãng (chứa bằng vật liệu thép, nhựa)
 - Khi gia nhiệt tỏa hơi bốc khói độc gây ăn mòn.
 - Các phản ứng nguy hiểm : phản ứng với các chất oxy hóa.
 - Phản ứng trùng hợp: không.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Thông tin về các đường phơi nhiễm khác nhau: - Có thể hấp thụ qua da, hô hấp tiêu hóa.
2. Các triệu chứng liên quan đến tính độc hại của hóa chất - Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Gây dị ứng. - Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt: Gây kích ứng mắt. - Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Gây kích ứng. - Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: chưa có thông tin.
3. Tác hại tức thì, tác hại lâu dài và những ảnh hưởng mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài - Ảnh hưởng mãn tính lên con người: chưa có thông tin. - Ảnh hưởng độc tính lên con người: Gây ngộ độc khi nuốt. - Các ảnh hưởng mãn tính tới người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen): chưa có thông tin.
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI
1. Độc môi trường nước: chưa có thông tin 2. Khả năng tích lũy sinh học: chưa có thông tin 3. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy: chưa có thông tin 4. Độ linh động trong đất : chưa có thông tin 5. Các tác hại khác : chưa có thông tin
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ
1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): chất thải phải được xử lý theo đúng tiêu chuẩn môi trường hiện hành. 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải : chưa có thông tin 3. Biện pháp tiêu hủy: thu gom và giao cho đơn vị chức năng xử lý.
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN
1. Những quy định cần tuân thủ: Không có thông tin 2. Quy cách đóng gói: Thùng nhựa IBC, xe bồn. 3. Cánh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, tuân thủ trong vận chuyển: chưa có thông tin.
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới chưa có thông tin 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký : chưa có thông tin
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 01/10/2024
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 05/01/2025
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LỘC THIÊN
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc